

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H.N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 431/2023/DS-PT

Ngày 31/8/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phí Thành Chung

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Toàn Giang

2. Ông Chu Tuấn Anh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố H.N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N: Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H.N xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2023/TLPT-DS ngày 10/5/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, thành phố H.N bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 360/2023/QĐXX-PT ngày 31/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 363/QĐPT-DS ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1976. ĐKKHKT: Xóm 1, thôn Hòa Phú, xã Hòa Thạch, huyện Q.O, thành phố H.N. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960. ĐKKHKT: Thôn 7, xã Phú Cát, huyện Q.O, thành phố H.N. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: ông Lê Văn Nghĩa - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê Anh, Đoàn luật sư thành phố H.N, địa chỉ: số 30/119 phố Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, H.N. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trường mầm non xã Phú Cát. Địa chỉ: xã Phú Cát, huyện Q.O, thành phố H.N. **Người đại diện theo pháp luật:** bà Bùi Thị Sao Mai – Hiệu trưởng. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: bà Hoàng Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:

Năm 2014, theo đề nghị của bà Hoàng Thị N khi đó là Hiệu trưởng trường mầm non Phú Cát, chị H là giáo viên của trường có vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Q.O – Phòng giao dịch Bương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để cho nhà trường vay lại. Số tiền vay là 80.000.000 đồng. Bà N có thực hiện việc nộp trả tiền nợ vay cho Ngân hàng đối với khoản nợ của chị H được vài kỳ sau đó không thực hiện nữa. Khi bà N về hưu không thực hiện việc trả nợ đúng như thỏa thuận. Chị H đã phải nộp tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng số tiền là 8.873.467 đồng.

Do không có tiền để thanh toán cho Ngân hàng nên chị H đã phải ký gia hạn hợp đồng vay thành 02 lần với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Q.O – Phòng giao dịch Bương theo Hợp đồng tín dụng số 2209-LDS-201602468 ngày 16/5/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2209-LDS-201703575 ngày 03/7/2017.

Tiền nợ vay của chị H đối với Ngân hàng là tiền bà N **đã đề nghị chị H vay hộ nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trả cho chị H tiền nợ gốc, lãi còn đang nợ Ngân hàng và tiền chị H đã trả Ngân hàng là 8.873.467 đồng và yêu cầu buộc bà N phải trả tiền lãi tiếp tục tính theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa chị H với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ cho chị H.**

Chị H xác định chị cho vay tiền, đưa tiền trực tiếp cho bà N tại Ngân hàng, việc bà N sử dụng tiền như thế nào chị H không rõ. Chị H xác định bà N là người có trách nhiệm đối với khoản vay của của chị H. Việc bà N yêu cầu nhà trường hoàn trả tiền cho bà N chị H không liên quan. Chị H xác định khoản vay này là vay cá nhân giữa chị H và bà N, không liên quan đến bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác.

2. Bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Bà là Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát giai đoạn từ năm 1997-2016. Do điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường quá kém, không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục trẻ (không đủ chỗ để học, phải mượn nhà dân để làm lớp học, cơ sở vật chất, giáo cụ thiếu thốn) nên Nhà trường có vận động một số giáo viên công tác tại Nhà trường giúp Nhà trường vay vốn của Ngân hàng để phục vụ cho việc xây dựng, mua sắm. Tổ vay vốn có 07 người, chị H và bà N là hai trong số người vay vốn.

Bà N có nhờ chị H vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Q.O – Phòng giao dịch Bương để cho nhà trường vay lại. Số tiền vay là 80.000.000 đồng. Bà N và chị H thỏa thuận chị H chỉ đứng tên vay cho Nhà trường còn trách nhiệm trả nợ gốc, lãi hàng tháng Nhà trường sẽ chịu trách nhiệm. Bà N là người trực tiếp viết giấy nhận vay với chị H, toàn bộ số tiền chị H cho Nhà trường vay được sử dụng vào việc đầu tư xây dựng, mua sắm đồ dùng sinh hoạt và học tập cho học sinh. Đến khi bà N về hưu, bà N có bàn giao tài chính, trong sổ bàn giao có số tiền nợ của các giáo viên trong đó có của số tiền ký

vay của chị H. Bà Ngô Thị Bốn là Hiệu trưởng nhiệm kỳ sau đã xác nhận và cam đoan sẽ làm thanh toán đầy đủ để trả lại cho các giáo viên. Tuy nhiên, việc thanh toán các khoản bàn giao của bà N không được Ban Giám hiệu mới của nhà trường thực hiện sau đó, ngay bản thân bà N cũng vẫn bị trừ tiền nợ hàng tháng vào số tiền lương hưu ít ỏi của bà N.

Do việc bà N huy động tiền của các giáo viên chỉ nhằm phục vụ cho hoạt động của Nhà trường, không mưu lợi cá nhân do vậy bà đề nghị Trường mầm non xã Phú Cát phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ đối với khoản nợ của các giáo viên.

Bà N thừa nhận việc nhờ chị H vay vốn là 80.000.000 đồng của ngân hàng, do vậy tiền lãi phát sinh theo hợp đồng bà N đồng ý với tính toán của Ngân hàng.

Khi vận động các giáo viên vay vốn thay cho nhà trường, có thông qua trong tổ vay vốn gồm 07 người vay, bà N không nhớ có thông qua ban lãnh đạo nhà trường hay họp toàn bộ giáo viên không. Trong tổ vay vốn có sổ theo dõi cụ thể.

Bà N trình bày thêm: Theo quy định chung thì không có quy định nào cho phép việc huy động tiền từ nguồn tiền vay của giáo viên để phục vụ cho hoạt động chung của nhà trường. Khi nhập tiền vay của các giáo viên trong đó có sổ tiền vay của chị H, bà N không làm chứng từ nộp tiền đó vào Nhà trường, chỉ có sổ theo dõi trong tổ vay vốn. Việc sử dụng tiền vay có sổ theo dõi cụ thể của tổ vay vốn, bà N cũng không nhớ cụ thể sổ theo dõi đó được lập như nào, sổ tiền vay được sử dụng vào cụ thể mục đích nào. Đối với tiền nợ vay của các giáo viên đã vay Ngân hàng thì giáo viên đó tự nộp trả Ngân hàng, bà N không thực hiện trả thay cho ai cả. Đối với số tiền nợ của chị H với Ngân hàng bà N không nhớ là có trả thay chị H tiền nợ cho Ngân hàng hay không.

Quá trình chuẩn bị xét xử bà N có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Trường mầm non Phú Cát có trách nhiệm thanh toán trả cho bà N các khoản nợ tồn đọng để bà N trả tiền cho các giáo viên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: đại diện trường mầm non xã Phú Cát Bà Bùi Thị Sao Mai - Hiệu trưởng trình bày:

Thời điểm bà Bốn là Hiệu trưởng kế nhiệm của bà N, khi thực hiện bàn giao công tác qua nhiều lần Nhà trường không bàn giao được nên phải báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp là Ủy ban nhân dân huyện Q.O giải quyết. Cơ quan có thẩm quyền xem xét việc bàn giao công tác tài chính của bà N cho bà Bốn là Ủy ban nhân dân huyện, Nhà trường không có thẩm quyền.

Quá trình bà N là Hiệu trưởng Nhà trường, khi đó bà Bốn là Hiệu phó. Theo quy định việc mua sắm, sửa chữa phải được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ quy định của Nhà trường về việc mua sắm trên cơ sở có sự thống nhất. Việc sửa chữa, mua sắm như nào, phải có hồ sơ chứng từ rõ ràng. Bản thân bà Ngô Thị Bốn khi đó là phó Hiệu trưởng, không được bàn bạc thống nhất thông qua, cũng không có hồ sơ, chứng từ chứng minh. Theo Thông báo số 708/TB-UBND ngày 31/5/2018 thì chứng từ do bà N cung cấp cho thấy bà N tự ý chi, không có chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có trong dự toán được giao,

không thông qua Ban giám hiệu, kế toán nhà trường và hồ sơ chứng từ bàn giao không đảm bảo theo quy định. Do vậy, Nhà trường không chịu trách nhiệm trong việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong quá trình bà N đương nhiệm theo bàn giao của bà N. Đối với các khoản tiền huy động từ các giáo viên thì quá trình bàn giao bà N không thực hiện bàn giao, không có chứng từ nhập quỹ, chứng từ chứng minh việc chi và bản thân bà Bốn là phó Hiệu trưởng giai đoạn đó cũng không biết có việc này. Do vậy, quan điểm của Nhà trường là bà N phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản vay của các giáo viên trong đó có khoản vay như chị H đã trình bày.

Bà Mai được bổ nhiệm là Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát từ tháng 9/2021. Bà Mai đồng quan điểm với bà Bốn về việc giải quyết vụ án. Nhà trường không chịu trách nhiệm trong việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong quá trình bà N đương nhiệm theo bàn giao của bà N. Đối với các khoản tiền huy động từ các giáo viên thì quá trình bàn giao bà N không thực hiện bàn giao, không có chứng từ nhập quỹ, chứng từ chứng minh việc chi và bản thân bà Mai là Hiệu phó giai đoạn đó cũng không biết có việc này. Do vậy, quan điểm của Nhà trường là bà N phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản vay của các giáo viên trong đó có khoản vay như chị H đã trình bày, Trường mầm non xã Phú Cát không liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Ngô Thị H yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị N thanh toán trả chị H tổng số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày bà N nhận tiền vay là 21/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị N vẫn thừa nhận có đại diện nhà trường vay tiền của chị H, số tiền vay là 80.000.000 đồng, tiền nợ lãi theo thỏa thuận tiền lãi theo hợp đồng tín dụng giữa chị H và Ngân hàng tháng 01/2014, ngày nhận tiền là 21/01/2014. Tuy nhiên, bà N xác định đây là khoản tiền bà N đại diện Nhà trường vay, toàn bộ số tiền nợ vay được sử dụng cho hoạt động của nhà trường. Do vậy, bà N không có trách nhiệm cá nhân đối với khoản vay của chị H, chị H phải khởi kiện đòi nợ Trường mầm non Phú Cát mới đúng.

Việc chị H khởi kiện bà N với tư cách cá nhân là không đúng vì bà N nhận tiền với tư cách là đại diện cho Nhà trường.

Luật sư Lê Văn Nghĩa trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do: Đã hết thời hiệu khởi kiện; không đúng đối tượng khởi kiện (trách nhiệm trả nợ không phải của cá nhân bà N mà là của trường mầm non Phú Cát). Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của chị H và hướng dẫn chị H khởi kiện đòi nợ trường mầm non xã Phú Cát.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, thành phố H.N, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Ngô Thị H đối với bà Hoàng Thị N.

2. Buộc bà Hoàng Thị N thanh toán cho chị Ngô Thị H số tiền nợ gốc là 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 22/3/2023 là 63.012.785 đồng (*sáu mươi ba triệu, không trăm mười hai nghìn, bảy trăm tám mươi lăm*) đồng. Tổng là: 143.012.785 (*một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm mười hai nghìn, bảy trăm tám mươi lăm*) đồng.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án; quyền thỏa thuận thi hành án; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm: bà Hoàng Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án. Xác định quan hệ vay nợ là giữa chị H và Trường mầm non Phú Cát. Bà N vẫn thừa nhận có đại diện nhà trường vay tiền của chị H, số tiền vay là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N xác định đây là khoản tiền bà N đại diện Nhà trường vay, toàn bộ số tiền nợ vay được sử dụng cho hoạt động của nhà trường. Do vậy, bà N không có trách nhiệm cá nhân đối với khoản vay của chị H, chị H phải khởi kiện đòi nợ Trường mầm non Phú Cát. Bà N khẳng định không lần nào trả tiền vay của chị H cho Ngân hàng.

Luật sư Lê Văn Nghĩa trình bày: Đây là tranh chấp giữa cá nhân và tổ chức, do vậy việc thụ lý tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân là không đúng. Vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định. Chị H vay tiền Ngân hàng để cho Nhà trường vay lại. Trong quá trình vay nợ, bà N không trả tiền cá nhân cho chị H lần nào. Khi bà N nghỉ hưu thì bà N đã bàn giao tài chính cho Nhà trường. Việc vay nợ là ngày 01/01/2014 chứ không phải ngày 21/01/2014.

Nguyên đơn là chị Ngô Thị H trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại cấp sơ thẩm. Chị vay tiền Ngân hàng sau đó cho bà N vay lại. Khi vay tiền Ngân hàng, chị H kê khai mục đích vay là vay mua sắm đồ dùng sinh hoạt. Chị H xác định bà N vay tiền chị H nên bà N có trách nhiệm trả tiền vay cho chị H. Chị H không cho Nhà trường vay. Chị H cũng chưa bao giờ nhận tiền trả nợ từ Nhà trường và bà N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Trường mầm non Phú Cát trình bày: Đối với các khoản tiền huy động từ các giáo viên thì quá trình bàn giao bà N không thực hiện bàn giao, không có chứng từ nhập quỹ, chứng từ chứng minh việc chi, các Hiệu phó giai đoạn đó cũng không biết có việc này. Quan điểm của Nhà trường là bà N phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản vay của các giáo viên trong đó có khoản vay như chị H đã trình bày.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị N, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, thành phố H.N theo hướng buộc bà Hoàng Thị N phải trả cho bà Ngô Thị H số tiền nợ gốc là 54.000.000 và lãi theo quy định pháp luật. Bà Hoàng Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quyền khởi kiện:

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án: yêu cầu bà Hoàng Thị N phải trả tiền nợ gốc, lãi. Yêu cầu của nguyên đơn là thực hiện quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định tại Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố H.N đã thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án và loại việc được qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về quan hệ pháp luật; tư cách người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Ngô Thị Huệ khởi kiện yêu cầu buộc bà N trả cho bà H tiền nợ gốc, lãi theo Giấy biên nhận ngày 01/01/2014 và lãi suất theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nguyên đơn trong vụ án dân sự là người khởi kiện, Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là chị Ngô Thị Huệ, bị đơn là bà Hoàng Thị N là đúng quy định. Bà N cho rằng, bà là Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát, đại diện Nhà trường là người vay tiền và toàn bộ số tiền nợ vay được sử dụng cho hoạt động của Nhà trường và yêu cầu Trường mầm non Phú Cát có trách nhiệm thanh toán trả cho bà N các khoản nợ tồn đọng để bà N trả tiền cho các giáo viên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trường mầm non Phú Cát tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Ngô Thị Huệ với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Q.O – Phòng Giao

dịch Bương, trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không có tranh chấp đối với các hợp đồng tín dụng này nên Tòa án không xem xét và không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là đúng quy định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Về chứng cứ:

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/7/2021 và trong các hoạt động tố tụng, Tòa sơ thẩm đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập. Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không có ý kiến phản đối về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5]. Về kháng cáo:

Bà Hoàng Thị N là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm; người kháng cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Do đó, kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phạm vi kháng cáo của bà Hoàng Thị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[1.6]. Về thời hiệu và quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn căn cứ Giấy biên nhận ngày 01/01/2014 để yêu cầu bà Hoàng Thị N trả tiền nợ gốc và lãi theo quy định. Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Các bên đương sự không thỏa thuận về thời hạn vay tiền và yêu cầu đòi tiền vay của nguyên đơn thuộc trường hợp bảo vệ quyền sở hữu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của bị đơn là bà Hoàng Thị N:

- Bà Hoàng Thị N thừa nhận có vay tiền của chị Ngô Thị H, số tiền vay là 80.000.000 đồng, tuy nhiên bà N xác định bà vay với tư cách hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát, đại diện Nhà trường vay, toàn bộ số tiền nợ vay được sử dụng cho hoạt động của Nhà trường. Bà N kháng cáo không có trách nhiệm cá nhân đối với khoản vay của chị H.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo trình bày của bà N: bà là Hiệu trưởng trường mầm non Phú Cát giai đoạn từ 1997-2016. Do điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường quá kém, không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục trẻ, cơ sở vật chất, giáo cụ thiếu thốn nên nhà trường có vận động một số giáo viên công tác tại nhà trường giúp nhà trường vay vốn của ngân hàng để phục vụ cho việc xây dựng, mua sắm. Tô vay vốn có 07 người, chị H và bà N là hai trong số người vay vốn.

Xét Giấy biên nhận ngày 01/01/2014: “Tôi là Hoàng Thị N. Chức vụ: HT trường MN Phú Cát. Thay mặt cho trường MN Phú Cát có nhờ đ/c Ngô Thị Huệ là giáo viên của nhà trường đứng tên để vay giúp nhà trường với số tiền là 80.000.000 đ (tám mươi triệu đồng chẵn). Thời điểm vay tháng 01/2014. Vay tại ngân hàng chi nhánh Bưng-Quốc Oai mọi thủ tục vay và trả gốc lãi theo quy định của ngân hàng, trường MN phải có trách nhiệm nghiêm túc không để ảnh hưởng tới cá nhân giáo viên Ngô Thị Huệ...”. Bà Hoàng Thị N ký tên, đóng dấu thay mặt Ban giám hiệu Trường mầm non Phú Cát.

Theo Quy chế làm việc năm học 2013-2014 ngày 10/9/2013 của Trường Mầm non Phú Cát, tổ chức bộ máy của nhà trường quy định tại các Điều 4, 5, 6 thì ngoài Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn nghiệp vụ, Hội đồng trường, các đoàn thể trong Nhà trường thì không có Tổ vay vốn như bà N trình bày. Trong phạm vi, trách nhiệm quyền hạn điều hành công việc quy định tại Điều 8 của Quy chế làm việc thì bà N với chức vụ Hiệu trưởng đại diện cho nhà trường trong các hoạt động quản lý, điều hành thì việc bà N vận động một số giáo viên công tác tại Nhà trường đứng tên giúp Nhà trường vay vốn của ngân hàng để phục vụ cho việc xây dựng, mua sắm là không đúng quy định Quy chế nêu trên.

Ngoài ra, theo các văn bản quản lý nhà nước như Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT; Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, thì cũng không có quy định nào liên quan đến việc Hiệu trưởng, Ban giám hiệu cơ sở giáo dục mầm non công lập đứng ra lập tổ vay vốn và huy động vốn vay để phục vụ chi tiêu trong nhà trường. Việc bà N đại diện nhà trường vay vốn của giáo viên không thông qua Ban giám hiệu, không thông qua Hội đồng nhà trường và không được sự cho phép của cơ quan quản lý nhà nước là Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai là vượt quá phạm vi đại diện, chức trách, quyền hạn của Hiệu trưởng nhà trường.

Theo trình bày của bà Ngô Thị Bốn là Hiệu trưởng kế nhiệm của bà N (BL 66, 67, 96, 97) và bà Bùi Thị Sao Mai, Hiệu trưởng hiện tại của Trường mầm non Phú Cát (BL 212): bà Bốn, bà Mai khi đó là Phó Hiệu trưởng, không được Hiệu trưởng hay Ban giám hiệu nhà trường bàn bạc thống nhất thông qua chủ trương vay vốn của giáo viên. Theo danh sách chi chứng từ do bà N cung cấp cho thấy bà N tự ý chi, không có chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có trong dự toán được giao, không thông qua ban giám hiệu, kế toán nhà trường và hồ sơ chứng từ bàn giao không đảm bảo theo quy định.

Trình bày nêu trên của bà Bốn, bà Mai cũng phù hợp với kết luận tại Thông báo số 708/TB-UBND ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai:

“Việc bà N tự ý chi, không có chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có trong dự toán được giao, không thông qua Ban giám hiệu, kế toán nhà trường và hồ sơ, chứng từ không đảm bảo theo quy định. Toàn bộ chứng từ bà N đề nghị giải quyết bao gồm 343 khoản chi thể hiện tại 72 chứng từ do bà N cung cấp, tương ứng với tổng số tiền là 2.524.485.505 đồng (Hai tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm linh năm đồng) không đủ điều kiện chi ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật NSNN năm 2002 và khoản 2, Điều 12 Luật NSNN năm 2015.”(BL 87)

Đối với các khoản tiền huy động từ các giáo viên thì quá trình bàn giao tại các Biên bản bàn giao công tác tài chính ngày 02/8/2015 (BL 78, 79) và ngày 24/12/2016 (BL 80, 81) bà N không thực hiện bàn giao đầy đủ, không có chứng từ nhập quỹ, chứng từ chứng minh việc chi và bà N cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc nhập số tiền huy động từ các giáo viên trong đó có số tiền của chị Huệ vào quỹ, tài khoản của Nhà trường. Bà N cũng không giải trình được khoản nợ hơn 3 tỷ đồng, không có danh sách chi cụ thể, không có hóa đơn chứng từ. Trong đơn kháng cáo, bà N khai khi bàn giao công tác tài chính Hiệu trưởng mới đồng ý thanh toán cho bà 1,6 tỷ đồng trong tổng số 2,5 tỷ đồng còn nợ để trả cho các giáo viên, doanh nghiệp và cửa hàng nhưng bà Bốn và bà Mai, Hiệu trưởng kế nhiệm không thừa nhận và bà N cũng không có tài liệu chứng minh việc bàn giao hợp lệ các khoản vay huy động từ giáo viên.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Việc bà Hoàng Thị N ký Giấy biên nhận ngày 01/01/2014 để vay số tiền 80.000.000 đồng với tư cách là Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát và đóng dấu nhà trường là không đúng quy định pháp luật theo các viện dẫn nêu trên. Cụ thể: bà N không thông qua Ban giám hiệu, không thông qua Hội đồng nhà trường và không được sự cho phép của cơ quan quản lý nhà nước là Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố H.N nhưng lại ký và đóng dấu Giấy vay tiền với tư cách là Hiệu trưởng, đại diện cho nhà trường là vượt quá phạm vi đại diện, chức trách, quyền hạn của Hiệu trưởng. Việc nhận tiền vay và chi tiền vay bà N cũng không bàn bạc, thông qua chủ trương trong Ban giám hiệu nhà trường. Trong các khoản chi theo chứng từ bà N cung cấp thể hiện không có chủ trương của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có trong dự toán được giao, không thông qua Ban giám hiệu, kế toán nhà trường và hồ sơ chứng từ bàn giao không đảm bảo quy định. Tại cấp phúc thẩm, bà N cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà nhập số tiền vay vào hoạt động thu chi của nhà trường thể hiện qua các biên bản bàn giao tài chính khi bà N nghỉ chế độ.

Đối với các khoản chi theo bà N khai là chi mua sắm trang thiết bị, xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cho nhà trường theo các chứng từ bà N cung cấp. Nếu bà N chứng minh được các khoản chi này là đúng quy định theo quy chế chi tiêu nhà trường hàng năm, nằm trong dự toán được giao, phù hợp với quy định pháp luật và nguồn tiền kinh phí do bà N tự ứng ra chi thì bà N có quyền yêu cầu Trường Mầm non Phú Cát hoàn trả theo quy định pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị N cung cấp Biên bản thành lập tổ vay vốn kèm theo danh sách Lãnh đạo và các thành viên của tổ vay vốn; Quy ước hoạt động của tổ; Quyết định thành lập tổ vay vốn cùng ngày 25/12/2013; và Văn bản thỏa thuận số 01/2014/VBTT giữa Đại diện PGD Bương-NHNo Q.O với đại diện trường Mầm non Phú Cát ngày 03/01/2014.

Xem xét các tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế có việc thành lập tổ vay vốn như trình bày của bà Hoàng Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị N. Tuy nhiên, theo Quy chế làm việc năm học 2013-2014 ngày 10/9/2013 của Trường Mầm non Phú Cát, tổ chức bộ máy của Nhà trường thì không có Tổ vay vốn như bà N trình bày. Ngoài ra, theo các văn bản quản lý nhà nước như Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT; Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, thì cũng không có quy định nào liên quan đến việc Hiệu trưởng, Ban giám hiệu cơ sở giáo dục mầm non công lập đứng ra lập tổ vay vốn và huy động vốn vay để phục vụ chi tiêu trong nhà trường. Việc thành lập tổ vay vốn cũng không được sự cho phép của cơ quan quản lý nhà nước là Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai.

Mặt khác, nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 03/01/2014 giữa Đại diện PGD Bương-NHNo Q.O với đại diện Trường Mầm non Phú Cát thể hiện mục đích vay như sau: *“1.1 Thành lập và duy trì tổ vay vốn thuộc Trường mầm non Phú Cát, xã Phú Cát trong đó gồm các ông bà CBCNV trong danh sách chi trả lương của bên B (là công chức/Hợp đồng lao động không xác định thời hạn) đã, đang và sẽ có nhu cầu vay vốn bên A để phục vụ đời sống trong hộ gia đình mình-sau đây gọi là người vay;”* và theo Quy ước hoạt động của Tổ: *“2. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ viên: 2.1. Được vay vốn của PGD Bương để phục vụ nhu cầu đời sống của gia đình;”*. Như vậy, nội dung, mục đích của việc vay vốn thể hiện trong các văn bản thỏa thuận nêu trên là *“để phục vụ đời sống trong hộ gia đình mình”*. Mục đích vay vốn tại các văn bản này cũng phù hợp với mục đích vay trong các hợp đồng tín dụng ký kết giữa bà H với Ngân hàng.

Do đó có cơ sở khẳng định: thời điểm năm 2013-2014, bà N ký Quyết định thành lập tổ vay vốn ngày 25/12/2013 với tư cách Hiệu trưởng Nhà trường là không đúng quy định pháp luật theo các văn bản viện dẫn nêu trên. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa bà H với Ngân hàng là với tư cách cá nhân bà H, mục đích vay là để tiêu dùng cho hộ gia đình người vay, không phải vay cho Tổ vay vốn hay bên thứ ba khác sử dụng. Thực tế hợp đồng tín dụng giữa bà H với Ngân hàng chỉ có hai bên ký với nhau. Nội dung Văn bản cam kết của Nhà trường ngày 25/12/2013 gửi Ngân hàng chỉ là cam kết về việc xác nhận người đi vay là giáo viên của nhà trường và Nhà trường có trách nhiệm đôn đốc giáo viên chấp hành nghĩa vụ đã ký với Ngân hàng chứ không phải có trách nhiệm trả tiền vay, hay bảo lãnh, thực hiện nghĩa vụ nếu người vay không trả được tiền. Bà N cũng không chứng minh được hay đưa ra tài liệu chứng cứ thể hiện số tiền bà ký nhận với chị H dùng để chi trả các khoản phục vụ cho hoạt động của nhà trường.

Do đó, bà N kháng cáo cho rằng bà ký giấy nhận tiền của chị Huệ với tư cách là Hiệu trưởng đại diện cho trường mầm non Phú Cát, nhà trường phải có trách nhiệm trả tiền cho chị Huệ, bà không có trách nhiệm cá nhân đối với số tiền này, là không có cơ sở. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà N.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo trình bày của chị Huệ và bà N thì hai người đều không biết được ai là người trả một phần gốc, lãi cho Ngân hàng trong các kỳ trả nợ đầu tiên, chỉ biết là nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng thời điểm bà N nghỉ hưu tháng 6/2015 là 54.000.000 đồng.

Theo Giấy ngày 11/5/2016: bà N đề nghị chị Huệ đáo hạn với ngân hàng bằng cách tiếp tục vay tiền để tất toán khoản vay cũ. Bà N cam kết sau 03 tháng kể từ ngày 11/5/2016 bà N phải thanh toán hợp đồng đã ký vay ngày 01/1/2014 cho chị Huệ (*người viết giấy và nhận tiền: bà Hoàng Thị N đã ký*). Thực tế, chị H đã nhiều lần đáo hạn và do không có tiền tất toán nên chị H lại tiếp tục ký vay các hợp đồng tín dụng vào các năm 2016, 2017, 2021 và 2022. Số tiền vay nợ mới dùng để trả tiền nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng cũ chưa được thanh toán. Theo đơn kháng cáo của bà N, bà cho biết thời điểm bà nghỉ hưu và bàn giao công tác tài chính thì số tiền nợ ngân hàng chỉ là 54.000.000 đồng, đến thời điểm hiện nay sau khi chốt với Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 104.000.000 đồng và bà không có trách nhiệm phải thanh toán.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thời điểm năm 2014, chị H vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Q.O – Phòng Giao dịch Bương tổng số tiền là 90.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 2209-LAV-201400139 ngày 20/01/2014 và được giải ngân toàn bộ số tiền vay ngày 21/01/2014. Sau thời điểm vay vốn, chị H đã nhiều lần đáo hạn và do không có tiền tất toán nên chị H lại tiếp tục ký vay vào các năm 2016, 2017, 2021 và 2022 để thanh toán nợ gốc, lãi của hợp đồng cũ.

Xét thấy các Hợp đồng tín dụng nêu trên đều thể hiện: Mục đích vay: Mua sắm đồ dùng sinh hoạt và các bên tham gia ký kết chỉ có chị Ngô Thị Huệ với Ngân hàng nên các hợp đồng này chỉ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết là chị Huệ và Ngân hàng.

Bà N cam kết trả nợ gốc và lãi hộ chị Huệ theo hợp đồng tín dụng với tư cách là Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát tuy nhiên cam kết này là không có hiệu lực theo nhận định tại mục **[2.1]** nêu trên. Do đó, bà N không có nghĩa vụ phải thực hiện việc trả nợ thay cho chị Huệ theo các hợp đồng tín dụng vì không tham gia ký kết với Ngân hàng, không có cam kết bảo lãnh hay thỏa thuận gì giữa bà N với Ngân hàng.

Mặt khác, trong phạm vi khởi kiện và đơn kháng cáo, các đương sự cũng không có tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa chị Huệ với Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với các hợp đồng tín dụng này, không bổ sung Ngân hàng tham gia tố tụng và cũng không chấp

nhận số tiền nợ gốc, lãi là 104.000.000 đồng do chị Huệ đưa ra để yêu cầu bà N thanh toán.

Tại phiên tòa, chị H khai không rõ ai là người đã thanh toán trả Ngân hàng một số kỳ đầu tiền nợ gốc, nợ lãi. Chị cũng không biết số tiền, số kỳ đã thanh toán chỉ biết là nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng ký lại năm 2016 là 54.000.000 đồng. Chị H cũng chưa bao giờ nhận tiền trả nợ từ Nhà trường và bà N. Bà N trình bày là bà N không lần nào trực tiếp trả tiền vay nợ cho chị H và cũng không lần nào thanh toán thay tiền nợ cho chị H với Ngân hàng. Do đó, không có cơ sở xác định bà N đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với chị H để đối trừ số tiền bà N đã thanh toán.

Sau này, nếu bà N có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có thực hiện nghĩa vụ trả một phần tiền đối cho chị H theo các Hợp đồng tín dụng để đối trừ số tiền bà N phải thanh toán thì bà N có quyền khởi kiện đòi tài sản đối với chị H bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên: Xác định Giấy biên nhận ngày 01/01/2014 phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia là chị Huệ và cá nhân bà N. Xác định bà N phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các khoản vay 80.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 01/01/2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị H cũng chỉ yêu cầu bà Hoàng Thị N trả nợ gốc là 80.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật. Lãi từ thời điểm nhận tiền nợ của bà cho đến khi trả hết tiền cho bà. Sau khi Bản án sơ thẩm xử buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng cho chị H thì bà N cũng không có ý kiến thắc mắc về số tiền mà chỉ kháng cáo cho rằng đây là quan hệ vay nợ giữa Trường mầm non Phú Cát và chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H và bà N không có ý kiến gì về việc trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, mà bà N tiếp tục có quan điểm cho rằng, trách nhiệm trả tiền vay là của Trường mầm non Phú Cát chứ không phải là của bà N.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Huệ buộc bà Hoàng Thị N thanh toán trả chị H tổng số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày bà N nhận tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm bà N nhận tiền vay là ngày 21/01/2014 phù hợp với trình bày của chị H và thời điểm giải ngân của Ngân hàng, cũng phù hợp với trình bày của bà N cho rằng chị H vay Ngân hàng để cho vay lại, đồng thời có lợi hơn đối với bà N nên được chấp nhận.

Đối với khoản lãi trên số tiền gốc, theo Giấy biên nhận ngày 01/01/2014 bà N cam kết trả nợ gốc và lãi hộ chị Huệ theo hợp đồng tín dụng với tư cách là Hiệu trưởng Trường mầm non Phú Cát tuy nhiên cam kết này là không có hiệu lực theo nhận định tại mục **[2.1]** nêu trên. Ngoài ra các bên cũng không có thỏa thuận khác về lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và có lãi suất (nhưng các bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất).

Do đó, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời điểm tính lãi: bắt đầu từ ngày 21/01/2014 bà N nhận tiền vay (thời điểm ngân hàng giải ngân) đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Từ ngày 21/01/2014 đến ngày 31/12/2016: Thời gian là 02 năm 345 ngày, căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam mức lãi suất áp dụng là 9%/1 năm. Số tiền lãi là 21.205.500 đồng.

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 22/3/2023: Thời gian là 06 năm 81 ngày, căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mức lãi suất áp dụng là 10%/1 năm. Số tiền lãi là 49.775.300 đồng.

Tổng số tiền lãi bà Hoàng Thị N phải trả cho chị H là **70.980.800** đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tính toán không chính xác thời gian tính lãi, dẫn đến số tiền lãi không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần tính lãi trên nợ gốc của Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc bà Hoàng Thị N có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay bao gồm nợ gốc và lãi theo quy định pháp luật cho chị Ngô Thị H là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên, quan điểm của Kiểm sát viên về số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí. Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần án phí đối với bà N.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm và người kháng cáo là người cao tuổi nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 148; Điều 271; Điều 272; Điều 273; khoản 2 Điều 296; khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi;

Xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, thành phố H.N và quyết định cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Ngô Thị H đối với bà Hoàng Thị N.

2. Buộc bà Hoàng Thị N thanh toán cho chị Ngô Thị H số tiền nợ gốc là 80.000.000 (*tám mươi triệu*) đồng và số tiền lãi tính đến ngày 22/3/2023 là **70.980.800** đồng. Tổng là: **150.980.800** đồng.

Kể từ ngày 23/3/2023 cho đến khi thi hành án xong khoản vay, bà Hoàng Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: bà Hoàng Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại chị Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.475.000 (*hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0011384 ngày 08/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.O, thành phố H.N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.H.N ;
- TAND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Lưu: VP/ Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thành Chung

